

Bản án số: 403/2024/DS-PT

Ngày 09/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thế Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Thanh Tòng

Ông Phạm Văn Ngọt

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trung – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2024/TLPT-DS ngày 07/6/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2330/2024/QĐ-PT ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: 131, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Lê Văn L, sinh năm: 1948; địa chỉ: A, H, khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: 647, ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm,*

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 17/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn L trình bày:*

Do có quen biết nhau với nhau nên bà D có cho ông V mượn tiền các lần như sau:

- Lần 1: Vào ngày 19/02/2022, bà D cho ông V mượn số tiền là 200.000.000 đồng;

- Lần 2: Vào ngày 07/10/2022, bà D cho ông V mượn số tiền là 20.000.000 đồng;

- Lần 3: Vào ngày 02/02/2023, bà D cho ông V mượn số tiền là 100.000.000 đồng và số tiền là 30.000.000 đồng;

- Lần 4: Vào ngày 26/6/2023, bà D cho ông V mượn số tiền là 250.000.000 đồng. Lần thứ 4, ông V có trả dần cho bà D mỗi tháng là 5.000.000 đồng; tổng số tiền ông V đã trả dần là 3 tháng số tiền là 15.000.000 đồng.

Tất cả các lần mượn tiền của bà D ông V đều có viết biên nhận, số tiền tổng cộng chung ông V còn thiếu của bà D là 585.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà D yêu cầu ông V có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền là 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tường trình, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc V trình bày:*

Ông đồng ý có vay tiền của bà D rất nhiều lần. Các lần vay tiền của bà D bắt đầu từ đầu tháng 9/2021, tất cả các lần vay ông đều có ghi biên nhận nhận nợ. Cụ thể như sau:

Đầu tháng 9/2021, ông có vay của bà D số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Ông có đóng lãi được 3 tháng với số tiền là 30.000.000 đồng,

Đầu tháng 12/2021, ông vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Ông có đóng lãi được 2 tháng với số tiền là 20.000.000 đồng.

Đến ngày 19/02/2022, bà D đề nghị ông viết lại biên nhận số tiền là 200.000.000 đồng và bỏ 02 biên nhận trước đó. Bà D giữ biên nhận. Ông đã đóng lãi tiếp cho bà D 8 tháng lãi.

Lãi 8 tháng với số tiền là 160.000.000 đồng nhưng ông chỉ đóng 60 triệu nên còn thiếu lại tiền lãi là 100.000.000 đồng, bà D yêu cầu ông viết tiếp biên nhận.

Từ tháng 10/2022 đến tháng 2/2023, ông không đóng lãi cho bà D nên bà D yêu cầu ông viết tiếp biên nhận là 100.000.000 đồng. Đến ngày 26/6/2023, bà D và ông thống nhất làm lại biên nhận nhận nợ tính tổng tất cả các lần tiền nợ là 250.000.000 đồng và bà D đồng ý cho ông trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng được

trừ vào số tiền gốc là 250.000.000 đồng. Ông đã trả được 3 tháng, sau đó bà D không đồng ý cho trả dần nữa.

Trong biên nhận đề ngày 26/6/2023 đã ghi rõ số tiền đến ngày 26/6/2023 ông còn nợ số tiền của bà D là 250.000.000 đồng nên ông đồng ý biên nhận này là tổng số nợ ông còn thiếu của bà D gồm: 200.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi. Tất cả các biên nhận trước ngày 26/6/2023 đều đã hủy bỏ.

Tổng cộng tiền ông nợ của bà D là 250.000.000 đồng và ông đã có trả dần cho bà D 03 lần, mỗi lần là 5.000.000 đồng nên ông đồng ý trả cho bà D số tiền còn thiếu lại là 235.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trường hợp hai bên có thiện chí thỏa thuận với nhau thì ông cũng đồng ý trả cho bà D tổng cộng là 350.000.000 đồng, trừ 15.000.000 đồng ông đã trả dần, còn lại 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã quyết định (tóm tắt):*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc V phải trả số tiền nợ là 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu ông V trả cho bà D đối với khoản tiền nợ là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền là 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 06/5/2024, bà Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông V có nghĩa vụ trả cho bà số tiền tổng cộng là 585.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bị đơn không đồng ý nội dung kháng cáo của nguyên đơn, mà đồng ý trả cho bà D tổng số tiền là 335.000.000 đồng, gồm số tiền nợ ghi trong biên nhận ngày 26/6/2023 với số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi như ông đã hứa với bà D.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn còn trong thời hạn qui định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D:

[2.1] Bà D khởi kiện yêu cầu ông V có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ tổng cộng là 585.000.000 đồng vì bà D cho rằng ông V có mượn của bà nhiều lần với các biên nhận cụ thể như sau: Biên nhận ngày 19/02/2022 số tiền mượn là 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 07/10/2022 số tiền mượn là 20.000.000 đồng; 02 Biên nhận ngày 02/02/2023 số tiền mượn là 100.000.000 đồng và 30.000.000 đồng; Biên nhận ngày 26/6/2023 số tiền mượn là 250.000.000 đồng. Tất cả các biên nhận đều do ông V viết và ký tên. Ông V đã có trả dần cho bà D tổng số tiền là 15.000.000 đồng nên ông V còn nợ lại số tiền là 585.000.000 đồng.

Ông V thừa nhận có vay tiền và viết các biên nhận như lời bà D trình bày. Tất cả các biên nhận ông đều thừa nhận là do ông viết và ký tên. Tuy nhiên, đến ngày 26/6/2023, giữa bà D và ông cùng ngồi lại và tính tổng cộng số tiền mà ông còn thiếu của bà D là 250.000.000 đồng. Ông có hứa trong biên nhận với nội dung mỗi tháng trả 5.000.000 đồng trừ nợ gốc 250.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ông đã trả được 03 tháng với tổng số tiền là 15.000.000 đồng nên ông chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là 235.000.000 đồng và đồng ý trả 100.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 335.000.000 đồng.

[2.2] Xét thấy, đối với biên nhận ngày 29/02/2022 thể hiện việc ông V có mượn của bà D số tiền là 200.000.000 đồng, ngày 15/5/2024 trả đủ cho bà D. Như vậy, thời hạn trả nợ cho bà D là đến ngày 25/5/2024 mới đến hạn trả nợ. Tuy nhiên, ông V đồng ý đến ngày 26/6/2023, giữa bà D và ông V có thỏa thuận thống nhất tổng số nợ là 250.000.000 đồng là tiền gốc và ông V sẽ trả dần cho bà D mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, ông V đã tiến hành trả

cho bà D như đã thỏa thuận với số tiền là 15.000.000 đồng. Do vậy, đối với biên nhận ngày 29/02/2023 chưa đến hạn nhưng ông V đã đồng ý nhập vào biên nhận ngày 26/6/2023 và đồng ý trả cho bà D.

Đối với biên nhận ghi ngày 26/6/2023 có ghi rõ nội dung: “Tôi tên là Nguyễn Ngọc V có nợ của Nguyễn Thị Mỹ D đến ngày 26/6/2023 số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu). Tôi hứa mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (Năm triệu) trừ nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu)...cho đến khi hết nợ.”, có chữ ký của cả 02 bên, bà D thừa nhận đồng ý biên nhận này. Như vậy, nội dung biên nhận đã thể hiện bà D thừa nhận đến ngày 26/6/2023 ông V còn nợ của bà D số tiền là 250.000.000 đồng và đồng ý cho ông V trả dần 5.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết nợ. Hai bên đã tiến hành thực hiện, cụ thể vào các ngày 26/6/2023; ngày 26/7/2023 và ngày 30/8/2023 ông V có trả cho bà D tổng cộng là 15.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông V nợ của bà D đến ngày 26/6/2023 xác định là 250.000.000 đồng. Ông V đã trả cho bà D là 15.000.000 đồng, số tiền ông V còn nợ của bà D là 235.000.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Ông V đồng ý trả cho bà D số tiền là 335.000.000 đồng, bao gồm: 250.000.000 đồng tiền gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi, đây là sự tự nguyện của ông V không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Ngọc V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền là 335.000.000 đồng là phù hợp.

[2.4] Về lãi suất: Bà D không có yêu cầu tính lãi, ông V cũng không có yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện đầy đủ các yêu cầu của các đương sự và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc V phải trả số tiền nợ là 335.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc V phải trả số tiền nợ là 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu ông V trả cho bà D đối với khoản tiền nợ là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền là 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng ông V còn phải trả cho bà D số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc V được miễn án phí do là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Do bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) theo biên lai số 0002573 ngày 24/11/2023 và số tiền là 750.000 đồng (B trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004769 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm nên được khấu trừ. H lại cho bà D số tiền chênh lệch là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005056 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thế Hồng**